TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74A /2024/HNGĐ-ST
Ngày 03/7/2024
V/v: *"Yêu cầu ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Võ Thị Hiền;

Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Ka Phu – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc *"Yêu cầu ly hôn và nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Trương Trung H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn chị Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh H vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 02 năm 2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị và anh Trương Trung H cưới nhau vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là thị trấn T) vào ngày 04/4/2016. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung là Trương Trọng T, sinh ngày 12/5/2017 và Trương Trọng T1, sinh ngày 28/7/2019. Đến tháng 10 năm 2023 thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẩn nên dần làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt trầm trọng không thể hàn gắng được, mặc dù gia đình hai bên có khuyên nhủ, hòa giải. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Trung H.

Về con chung: có 02 con chung là Trương Trọng T, sinh ngày 12/5/2017 và Trương Trọng T1, sinh ngày 28/7/2019, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị xin nuôi con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Trương Trung H, Tòa án có tống đạt các thông báo cho anh H tham gia hòa giải, giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị Q nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H và vụ án không tiến hành hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Trương Trung H. Về con chung: 02 con chung là Trương Trọng T, sinh ngày 12/5/2017 và Trương Trọng T1, sinh ngày 28/7/2019, hiện đang sống cùng chị Q. Khi ly hôn, chị xin nuôi 02 con, chị không yêu cầu

anh H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp pháp luật nên đề nghị để con chung cho chị Q nuôi dưỡng, ghi nhận chị Q tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Trương Trung H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là thị trấn T) vào ngày 04/4/2016. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung là Trương Trọng T, sinh ngày 12/5/2017 và Trương Trọng T1, sinh ngày 28/7/2019. Đến tháng 10 năm 2023 thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn nên dần làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt trầm trọng không thể hàn gắn được, mặc dù gia đình hai bên có khuyên nhủ, hòa giải. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Trung H. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã mời anh H nhiều lần đến Tòa tham gia hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án để hòa giải giải quyết hay có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị Q. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị Q và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Trong quá trình chung sống với nhau, anh chị có 02 con chung là Trương Trọng T, sinh ngày 12/5/2017 và Trương Trọng T1, sinh ngày 28/7/2019, hiện đang sống cùng chị Q. Khi ly hôn, chị xin nuôi 02 con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ phù hợp với điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị Q phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Trương Trung H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Trương Trọng T, sinh ngày 12/5/2017 và Trương Trọng T1, sinh ngày 28/7/2019. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004127 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Q đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chị cụcTHADS huyện B;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Mộng Tuyền